

Số: 01/2022/QĐST-VHNGĐ

Bắc Sơn, ngày 17 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị Ngọc.

Thư ký phiên họp: Ông Nông Văn Đông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 127/2021/TLST- VHNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐST-VHNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Đặng Hữu H; sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đặng Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn Đắc, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền số 01 ngày 12 tháng 01 năm 2022). Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp người yêu cầu anh Đặng Hữu H trình bày: Anh và chị Đặng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 11/12/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Do anh và Chị Đặng Thị T đều muốn được đăng ký kết hôn nên trong tờ khai đăng ký kết hôn chị Thanh đã khai là sinh ngày 28/11/1992 để nộp cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn để chị Đặng Thị T đủ điều kiện kết hôn, nhưng thực tế chị Đặng Thị T, sinh ngày 28/11/1996. Do cán bộ Tư pháp hộ tịch thời điểm đó không kiểm tra kỹ lưỡng, không thẩm định rõ tuổi thật của chị Đặng Thị T nên đã cấp Giấy chứng nhận

kết hôn cho anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T. Quá trình chung sống, hiện tại vợ chồng anh vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nên đề nghị Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Đặng Thị T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyền số 02 ngày 11/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và công nhận hôn nhân hợp pháp kể từ ngày chị Đặng Thị T đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị T trình bày: Chị Kết hôn với anh Đặng Hữu H vào năm 2010, vào thời điểm đó do kém hiểu biết pháp luật nên chị đã kê khai ngày tháng năm sinh của mình từ ngày 28/11/1996 lên ngày 28/11/1992 để đủ tuổi được đăng ký kết hôn. Do đó, vào ngày 11/12/2010 Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Sơn đã cấp Giấy đăng ký kết hôn cho chị và anh Đặng Hữu H. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống đến nay mặc dù chưa có con chung nhưng vợ chồng chị vẫn chung sống hạnh phúc, xét thấy việc vợ chồng chị đăng ký kết hôn khi chị chưa đủ tuổi là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hiện nay anh Đặng Hữu H đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đặng Hữu H với chị và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm chị đủ điều kiện kết hôn thì chị cũng nhất trí và yêu chị cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đặng Hữu H với chị và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm chị đủ điều kiện kết hôn.

Quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện ông Dương Văn Đắc trình bày:

Ngày 11/12/2010, Ủy ban nhân dân xã T, huyện B có đăng ký kết hôn cho anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T. Khi đăng ký kết hôn chị Đặng Thị T kê khai sinh ngày 28/11/1992, do đó Ủy ban nhân dân xã T đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T mà không biết thực tế chị Đặng Thị T, sinh ngày 28/11/1996. Do đó, Giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 11/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã T cấp không đúng, vì tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Đặng Thị T chưa đủ tuổi kết hôn. Hiện nay, anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T đều yêu cầu Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp thì Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Sơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đăng ký kết hôn của anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T đã bị thất lạc nên Ủy ban nhân dân xã T không thể cung cấp cho Tòa án được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn trình bày phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên họp đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục và đề nghị Tòa án áp dụng Điều 3, Điều 8, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 369, 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân

và gia đình đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của anh Đặng Hữu H, tuyên hủy hôn nhân trái pháp luật giữa anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T. Công nhận hôn nhân hợp pháp cho anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T kể từ ngày 28/11/2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân là anh Đặng Hữu H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị T cùng có địa chỉ tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và cơ quan đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã T theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại phiên họp Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân: Anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 11/12/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ vào những chứng cứ thu thập được như: Sổ đăng ký khai sinh; Giấy khai sinh của chị Đặng Thị T, Sổ hộ khẩu, Giấy căn cước công dân và Phiếu lý lịch tư pháp số 1 của chị Đặng Thị T thấy rằng chị Đặng Thị T, sinh ngày 28/11/1996. Đến ngày 11/12/2010 chị Đặng Thị T đăng ký kết hôn với anh Đặng Hữu H thì chị Thanh mới được 14 tuổi 14 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Tuy nhiên, do cán bộ tư pháp xã T thời điểm đó đã không kiểm tra, xác minh kỹ nên đã đăng ký kết hôn cho anh H và chị T (tại Giấy Chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 02, ngày 11/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Sơn) là vi phạm luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Đặng Hữu H là có căn cứ chấp nhận theo Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc, quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T trình bày việc đăng ký kết hôn trái pháp luật là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh chị, đồng thời anh chị thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân là hợp pháp kể từ thời điểm chị Đặng Thị T đủ tuổi đăng ký kết hôn. Theo quy định của khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn: “ *Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có*

đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau: a) Nếu hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên có đủ điều kiện kết hôn ”. Căn cứ vào các quy định trên, xét thấy yêu cầu của anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T là có căn cứ. Vì vậy, cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T là hợp pháp, kể từ ngày chị Đặng Thị T đủ tuổi kết hôn là ngày 28/11/2014.

[4] Về con chung: Không có

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về lệ phí: Anh Đặng Hữu H phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh Đặng Hữu H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0002666 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Anh Đặng Hữu H đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Đặng Hữu H và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự chị Đặng Thị T và Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 6 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 146; khoản 1 Điều 149; Điều 367; Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Đặng Hữu H: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 02 ngày 11/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Hữu H và chị Đặng Thị T là hợp pháp, kể từ ngày 28/11/2014.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Đặng Hữu H phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh Đặng Hữu H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0002666 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Anh Đặng Hữu H đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Đặng Hữu H và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự chị Đặng Thị T và Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Đường sự;
- UBND xã T, huyện B, Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Dương Thị Ngọc